HANOEL
ELEVATOR

Catalogue

Liên hệ với chúng tôi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY HÀ NỘI
Hanoi Electric Machinery JSC

Trụ sở:
Trụ sở: 364 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04. 3572 4588 - 3572 4599
Fax: 04. 3572 4699
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Quảng Bình:
Địa chỉ: Nguyễn Thái Học - Nam Lý - TP. Đồng Hới
Tel: 052. 371 4656 Fax: 052. 371 4656
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Tuyên Quang:
Địa chỉ: Tổ 13 - Ỷ La - TP. Tuyên Quang
Tel: 027. 3815 045 Fax: 027. 3815 045
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Huế:
Địa chỉ: 75 Nguyễn Cư Trinh - Thuận Hòa - TP. Huế
Tel: 054. 3539 010 Fax: 054. 3539 010
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Thanh Hóa:
Địa chỉ: 453 Nguyễn Trãi - TP. Thanh Hóa
Tel: 037. 394 1077 Fax: 037. 394 1077
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Đà Nẵng:
Địa chỉ: 374/1 Điện Biên Phủ - TP. Đà Nẵng
Tel: 0511. 381 3131 Fax: 0511. 381 3131
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Tại Vinh:
Địa chỉ: Số 269 Nguyễn Trãi - TP. Vinh
Tel: 038. 3515 468 Fax: 038. 3515 468
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

Nhà máy:
Địa chỉ: 15KP4 - Phan Văn Hớn - Q12 - TP.HCM
Tel: 08. 3719 1816 Fax: 08. 3719 1816
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

VIETLIFT

THANG MÁY
Elevator

HANOEL
ELEVATOR

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY HÀ NỘI
Hanoi Electric Machinery JSC
364 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04. 3572 4588 - 3572 4599
Fax: 04. 3572 4699
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com

THANG VIETLIFT
THIẾT BỊ NHẬP KHẨU CHÍNH HÃNG MITSUBISHI — NHẬT BẢN

Số thứ tự	Tên thiết bị	Hãng
1	Máy kéo	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Đài Loan
2	PLC	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Nhật Bản
3	Động cơ cửa	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Thái Lan
4	Điều khiển động lực	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Nhật Bản
5	Điều khiển cửa	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Nhật Bản
6	Contactor tủ điện	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Nhật Bản
7	Aptomat tủ điện	Mitsubishi Nhật Bản - Sản xuất tại Nhật Bản

SỰ KHÁC BIỆT THANG VIETLIFT

1. Sử dụng các vật liệu cao cấp
2. Thiết kế sang trọng, hiện đại
3. Hoạt động an toàn sử dụng dễ dàng
4. Ổn định trong suốt quá trình hoạt động
5. Hệ thống an toàn tuyệt đối chống rơi thang
6. Dịch vụ bảo trì chuyên nghiệp 24h/24h

THANG MÁY

ELEVATOR

Thang VIETLIFT chúng tôi có đầy đủ các chủng loại và phù hợp với mọi công trình của bạn:

MỘT SỐ THANG ĐIỂN HÌNH:

Thang khách

Thang Quan sát

Thang Cuốn

Thang tải bệnh

Thang tải hàng

Thang thực phẩm

HỆ THỐNG THANG MÁY THEO TIÊU CHUẨN

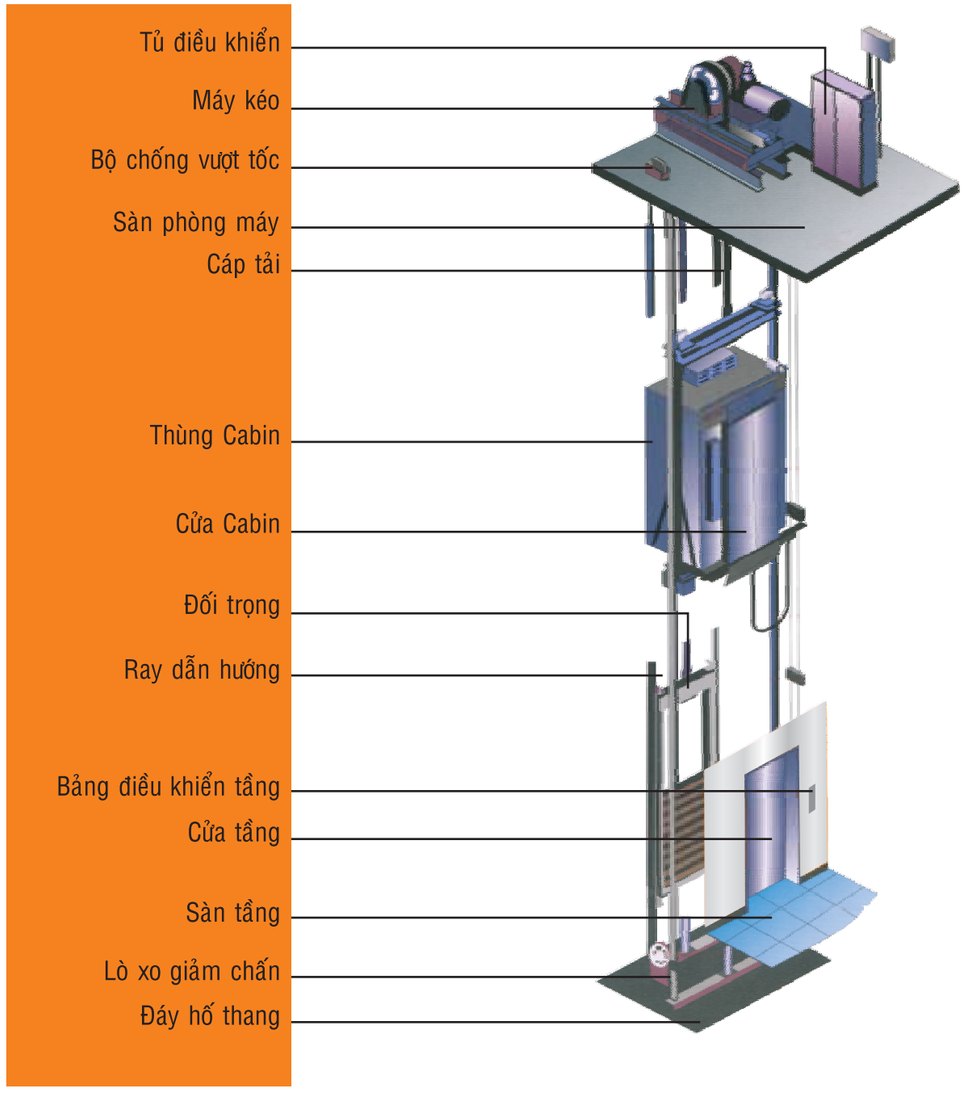

MỘT SỐ CABIN THÔNG DỤNG

CA01

CABIN CA01 (Inox - Trần cong - tiêu chuẩn)

Trần Cabin	Inox sọc nhuyễn và Mika trắng sữa.
Vách Cabin	Inox sọc nhuyễn
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Inox
Chiếu sáng	Đèn Compact

CA02

CABIN CA02 (Inox - Trần phẳng - Tiêu chuẩn)

Trần Cabin	Inox sọc nhuyễn và Mika trắng sữa.
Vách Cabin	Inox sọc nhuyễn
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Inox
Chiếu sáng	Đèn Compact

CA03

CABIN CA03 (Inox - Trần cong - Lựa chọn)

Trần Cabin	Inox sọc nhuyễn và Mika trắng sữa.
Vách Cabin	Inox sọc nhuyễn, gỗ verner
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Inox
Chiếu sáng	Đèn Compact

CA04

CABIN CA04 (Inox - Trần cong - Lựa chọn)

Trần Cabin	Inox sọc nhuyễn và Mika trắng sữa.
Vách Cabin	Inox sọc nhuyễn, gỗ verner
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Inox
Chiếu sáng	Đèn Compact

CABIN GỖ

CA05

CABIN CA05 (Gỗ - Lựa chọn)

Trần Cabin	Gỗ Verner, mica trắng sữa.
Vách Cabin	Gỗ Verner phun sơn
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Gỗ bọc đồng
Chiếu sáng	Đèn Compact, Halogen

CA06

CABIN CA06 (Gỗ - Lựa chọn)

Trần Cabin	Gỗ Verner, mica trắng sữa.
Vách Cabin	Gỗ Verner phun sơn
Cửa Cabin	Inox sọc nhuyễn
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Đá granit Việt Nam một màu
Tay vịn	Gỗ bọc đồng
Chiếu sáng	Đèn Compact, Halogen

CABIN NHẬP NGOẠI

XC - 02 - 7

XC - 00 - 2A

XC - 0915

XC - 04 - 7

XC - 04 - 8

XC - 00 - 8

XC - 05 - 6

XC - 02 - 12

THANG GIA ĐÌNH

Thang gia đình - Nhập ngoại

Trần Cabin	Thép phun sơn tĩnh điện, mica trắng
Vách Cabin	Thép phun sơn giả vân gỗ
Cửa Cabin	Inox, thép phủ sơn giả vân gỗ
Bảng điều khiển	Mặt Inox sọc nhuyễn
Sàn Cabin	Nhựa Vinyl
Tay vịn	Thép phun sơn
Chiếu sáng	Đèn Compact

THIẾT BỊ HIỂN THỊ

NÚT NHẤN **ĐÈN BÁO TẦNG**

BT - 01 BT - 02 BT - 03 BT - 04 01 02

BẢNG ĐIỀU KHIỂN (TIÊU CHUẨN)

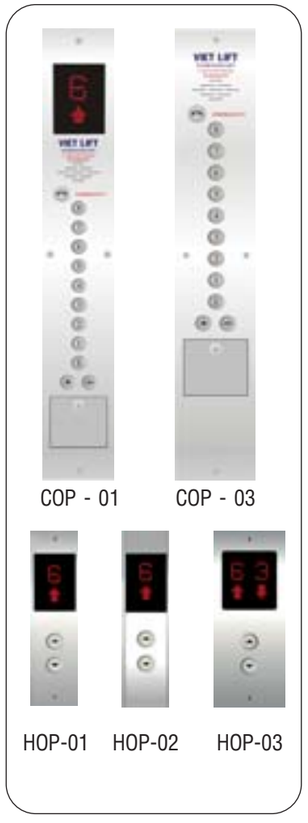

COP - 01 COP - 03

HOP-01 HOP-02 HOP-03

BẢNG ĐIỀU KHIỂN (LỰA CHỌN)

HCP61-S HCP61-P HCP - 42 HCP64

HHP61P-B3 HHP-42-B4

HHP61-A3 HHP61P-A3 HHP-42-A3 HHP64-A1 HHP64-B4

KIỂU BAO CHE CỬA TẦNG

DJ – 01 (Tiêu chuẩn)
Bao che bản hẹp

DJ – 02 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng

DJ – 03 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng hiển thị trên

DJ – 04 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng có transom

KIỂU BAO CHE CỬA TẦNG NHẬP NGOẠI

DJ – 01 (Lựa chọn)
Bao che bản hẹp

DJ – 02 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng, mở một phía

DJ – 03 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng

DJ – 04 (Lựa chọn)
Bao che bản rộng có transom

KIỂU TAY VỊN TRONG CABIN

HR – 01 (Tiêu chuẩn)

KIỂU TAY VỊN TRONG CABIN – NHẬP NGOẠI

XC-001

XC-002

XC-003

XC-004

XC-005

XC-006

XC-007

XC-008

XC-009

XC-010

XC-011

XC-012

XC-013

XC-014

XC-015

XC-016

XC-017

XC-018

NHÓM LINH KIỆN CHÍNH

SICOR (Italia)

NINGBO (China)

MITSUBISHI (Taiwan)

LINH KIỆN PLC - VVVF

TỦ ĐIỀU KHIỂN - TỦ CỨU HỘ

KIỂU SÀN ĐÁ GRANIT

Đá Granit tự nhiên nhiều mẫu mã phong phú. Đáp ứng theo nhu cầu của Qúy khách.

DGR-01(lựa chọn)

DGR-02(lựa chọn)

DGR-03(lựa chọn)

DGR-04(lựa chọn)

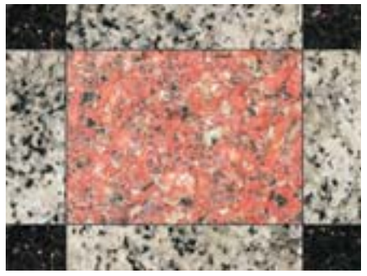

DGR-05(lựa chọn)

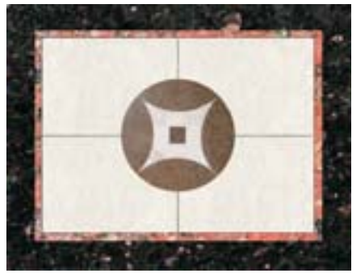

DGR-06(lựa chọn)

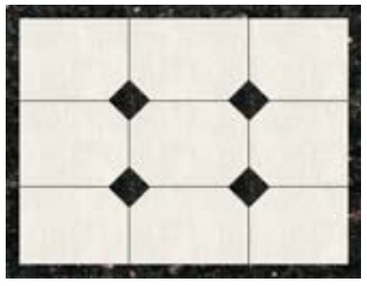

DGR-07(lựa chọn)

DGR-08(lựa chọn)

KIỂU TRẦN CABIN

C – 01 (Tiêu chuẩn)

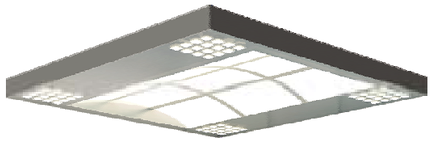

C – 02 (Tiêu chuẩn)

C – 03 (Lựa chọn)

C – 04 (Lựa chọn)

KIỂU TRẦN CABIN NHẬP NGOẠI

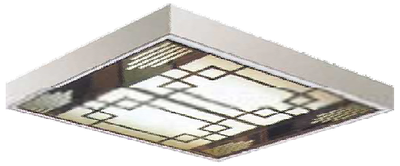

XC 409

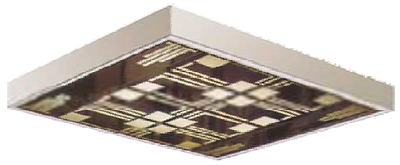

XC 410

XC 416

XC 417

XC 420

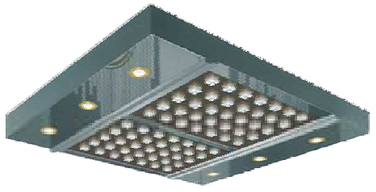

XC 426

KIỂU TRẦN CABIN NHẬP NGOẠI

XC 455

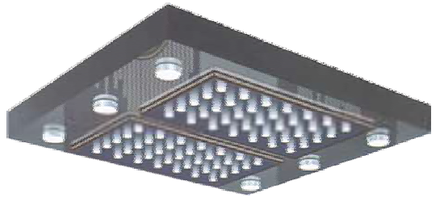

XC 427

XC 456

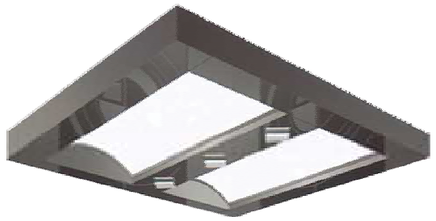

XC 457

XC 461

XC 462

XC 465

XC 466

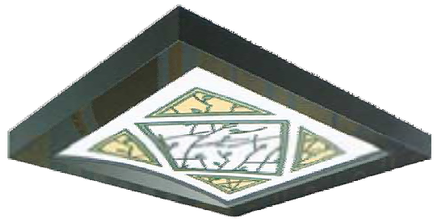

XC 473

XC 476

XC 477

XC 480

XC 481

XC 482

XC 483

XC 485

BẢNG VẼ KỸ THUẬT HỐ THANG — THANG MÁY CÓ PHÒNG MÁY

MẶT CẮT NGANG HỐ THANG

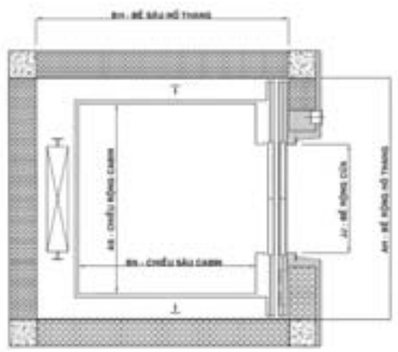

KIỂU CỬA CO - CENTER OPEN

MẶT CẮT NGANG HỐ THANG

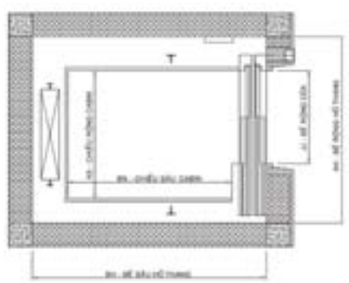

KIỂU CỬA 2S - SINGLE SIDE OPEN

MẶT CẮT DỌC HỐ THANG

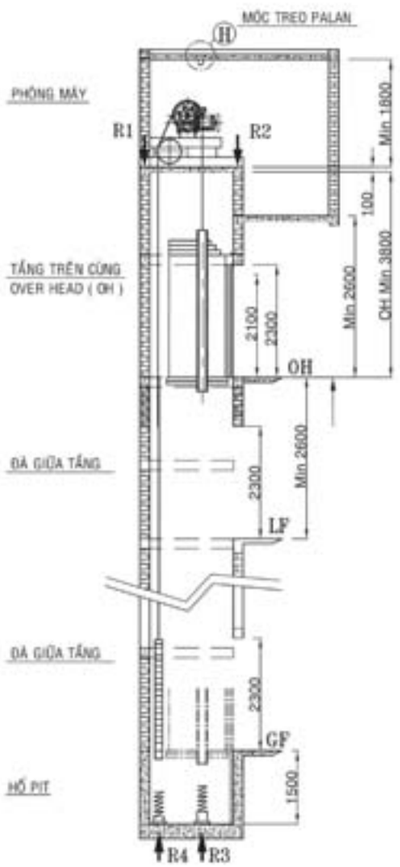

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY CÓ PHÒNG MÁY

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY TẢI KHÁCH KIỂU CỬA CO (CENTER OPENING)

Tải trọng		Kích thước cửa Cabin (mm)		Kích thước phòng thang (mm)			Kích thước hố thang (mm)		Chiều cao tầng trên cùng-OH (mm)	Chiều sâu hố PIT (mm)	Kích thước phòng máy (mm)		Lực tác động trên sàn phòng máy	
Số người	KG	Rộng	Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu			Rộng	Sâu	R1	R2
		JJ	H	AS	BN	H	AH	BH			AM	BM	KG	KG
P4	300	600	2100	1000	900	2300	1400	1450	3800	1500	1400	3200	3200	1900
P6	450	800	2100	1400	850	2300	1800	1450	3800	1500	1800	3200	3200	2000
P8	550	800	2100	1400	1000	2300	1800	1600	3800	1500	1800	3200	3700	2300
P9	600	800	2100	1400	1100	2300	1800	1700	3800	1500	1800	3500	3800	2600
P10	700	800	2100	1400	1200	2300	1800	1800	3800	1500	1800	3200	4500	2700
P11	750	800	2100	1400	1300	2300	1800	1900	4000	1500	1800	3200	5000	3050
P13	900	900	2100	1600	1350	2300	2000	1950	4000	1500	2000	3200	5700	3450
P14	1000	900	2100	1600	1450	2300	2000	2000	4000	1500	2000	3200	5850	3650
P16	1150	1000	2100	1800	1450	2300	2200	2050	4000	1500	2200	3200	7450	4500
P19	1350	1100	2100	2000	1500	2300	2400	2100	4000	1500	2400	3200	8050	5100
P24	1600	1200	2100	2150	1600	2300	2600	2200	4000	1500	2600	3200	8500	6800

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY TẢI KHÁCH KIỂU CỬA 2S (SIDE OPENING)

Tải trọng		Kích thước cửa Cabin (mm)		Kích thước phòng thang (mm)			Kích thước hố thang (mm)		Chiều cao tầng trên cùng-OH (mm)	Chiều sâu hố PIT (mm)	Kích thước phòng máy (mm)		Lực tác động trên sàn phòng máy	
Số người	KG	Rộng	Cao	Rộng	Sâu	Cao	Rộng	Sâu			Rộng	Sâu	R1	R2
		JJ	H	AS	BN	H	AH	BH			AM	BM	KG	KG
P4	300	600	2100	1100	800	2300	1500	1400	3800	1500	1500	3200	3200	1900
P6	450	800	2100	1100	1100	2300	1500	1700	3800	1500	1500	3200	3750	2000
P8	550	800	2100	1100	1300	2300	1500	1900	3800	1500	1500	3200	3800	2300
P9	600	800	2100	1100	1400	2300	1500	2000	3800	1500	1500	3500	4500	2600
P10	700	800	2100	1200	1400	2300	1600	2000	3800	1500	1600	3200	4650	2700
P11	750	800	2100	1200	1550	2300	1600	2150	4000	1500	1600	3200	5000	3050
P13	900	900	2100	1250	1750	2300	1650	2400	4000	1500	1650	3200	5700	3450
P14	1000	1000	2100	1400	1800	2300	1800	2450	4000	1500	1800	3200	5850	3650
P16	1150	1100	2100	1600	1800	2300	2350	2200	4000	1500	2350	3200	7450	4500
P19	1350	1200	2100	1700	2000	2300	2450	2400	4000	1500	2450	3200	8050	5100
P24	1600	1300	2100	1800	2200	2300	2500	2600	4000	1500	2500	3200	8500	6800

Ghi chú: Các thống số hố thang AH & BH là kích thước tối thiểu (Min)
Kích thước phòng máy=kích thước hố thang+khoảng mở rộng đặt tủ điện điều khiển

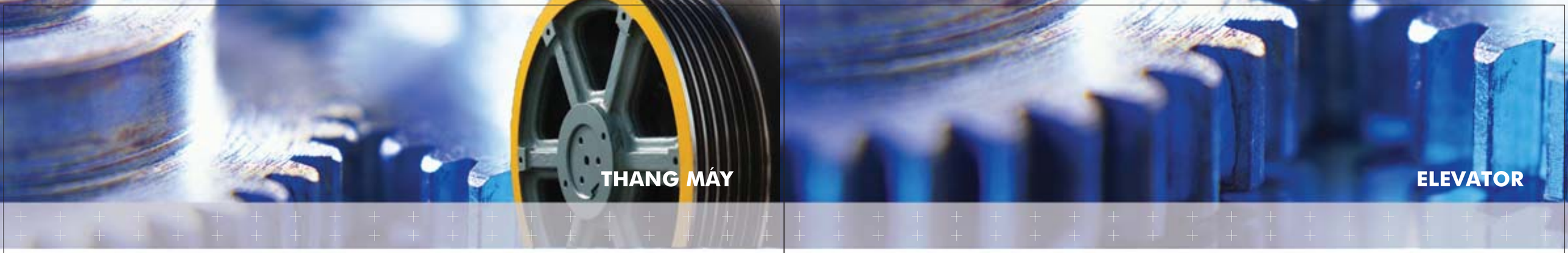

BẢNG VẼ KỸ THUẬT HỐ THANG
THANG MÁY CÓ PHÒNG MÁY – CỬA 2S TẢI HÀNG, TẢI BỆNH

MẶT CẮT NGANG HỐ THANG
THANG MÁY TẢI HÀNG

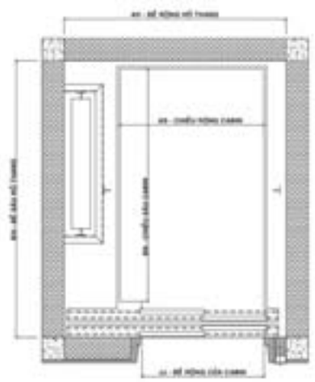

MẶT CẮT HỐ THANG
THANG MÁY TẢI BỆNH

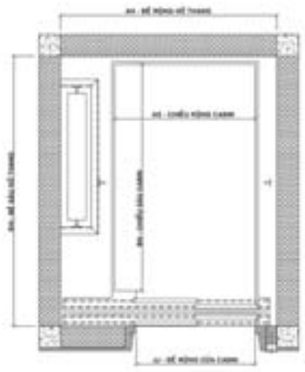

MẶT CẮT DỌC HỐ THANG

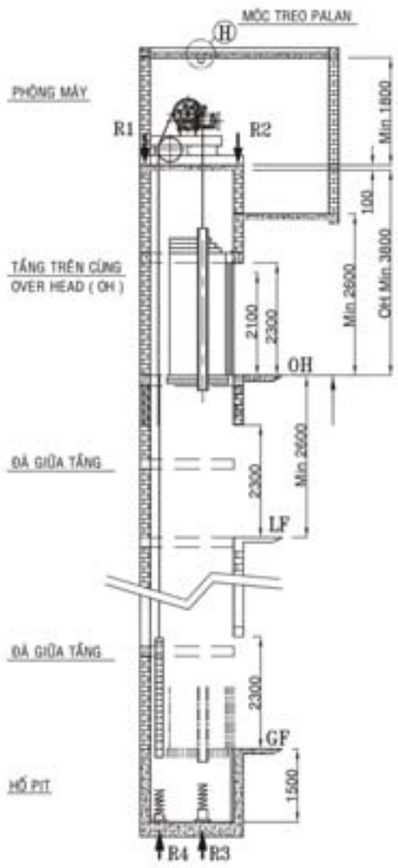

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT
THANG MÁY TẢI HÀNG & THANG MÁY TẢI BỆNH

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY TẢI KIỂU CỬA 2S, 3S

Tốc độ	Tải trọng		Kích thước cửa Cabin (mm)		Kích thước phòng thang (mm)			Kích thước hố thang (mm)		Kích thước phòng máy (mm)		Lực tác động trên sàn phòng máy		Chiều cao tầng trên cùng-OH (mm)	Chiều sâu hố PIT (mm)
M/ph	Loại thang	KG	Rộng JJ	Cao H	Rộng AS	Sâu BN	Cao H	Rộng AH	Sâu BH	Rộng AM	Sâu BM	R1 KG	R2 KG		
15 30 60	F450	450	850	2100	1100	1100	2300	1700	1600	1700	2800	3750	2000	3800	1500
	F600	600	950	2100	1200	1300	2300	1850	1750	1850	2950	4650	2700	3800	1500
	F750	750	1000	2100	1200	1550	2300	1850	2000	1850	3200	5300	3200	3800	1500
	F1000	1000	1100	2100	1400	1700	2300	2050	2150	2050	3350	6100	3850	3800	1500
	F1350	1350	1200	2100	1500	2000	2300	2150	2450	2150	3650	8250	5200	4000	1500
	F1500	1500	1400	2100	1700	2000	2300	2450	2450	2450	3650	12000	6000	4000	1500
	F2000	2000	1500	2100	1800	2300	2300	2650	2750	2650	3950	16000	8000	4000	1500
	F2500	2500	1750	2100	2000	2500	2300	2950	2950	2950	4200	20000	10000	4000	1500
	F3000	3000	1800	2100	2000	2900	2300	3000	3300	2900	4500	24000	12000	4000	1500
	F5000	5000	2100	2100	2500	3500	2300	3600	4000	3600	5200	40000	20000	4000	1500

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY TẢI BỆNH KIỂU CỬA 2S (SIDE OPEN)

Tốc độ	Tải trọng		Kích thước cửa Cabin (mm)		Kích thước phòng thang (mm)			Kích thước hố thang (mm)		Kích thước phòng máy (mm)		Lực tác động trên sàn phòng máy		Chiều cao tầng trên cùng-OH (mm)	Chiều sâu hố PIT (mm)
M/ph	Loại thang	KG	Rộng JJ	Cao H	Rộng AS	Sâu BN	Cao H	Rộng AH	Sâu BH	Rộng AM	Sâu BM	R1 KG	R2 KG		
15 30	16	1150	1100	2100	1250	2100	2300	2000	2550	2000	4200	7250	4500	3800	1500
	19	1350	1100	2100	1350	2300	2300	2050	2750	2050	4300	8200	5200	3800	1500
	23	1500	1200	2100	1400	2350	2300	2250	2850	2250	4400	9100	6000	4000	1500
	27	1800	1300	2100	1500	2500	2300	2600	2950	2600	4500	11900	7000	4000	1500

Ghi chú: Các thống số hố thang AH & BH là kích thước tối thiểu (Min)
Kích thước phòng máy=kích thước hố thang+khoảng mở rộng đặt tủ điện điều khiển

BẢNG VẼ KỸ THUẬT HỐ THANG – THANG MÁY KHÔNG PHÒNG MÁY

MẶT CẮT NGANG HỐ THANG
THANG MÁY KHÔNG PHÒNG MÁY

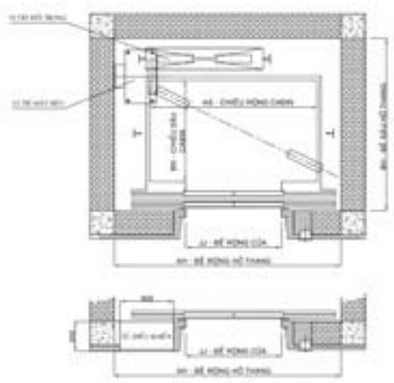

MẶT CẮT DỌC HỐ THANG
THANG MÁY KHÔNG PHÒNG MÁY

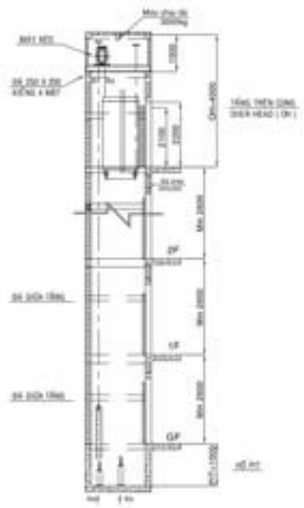

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT THANG MÁY TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY (MACHINE ROOMLESS)

Tải trọng		Kích thước cửa Cabin (mm)		Kích thước phòng thang (mm)			Kích thước hố thang (mm)		Chiều cao tầng trên cùng-OH (mm)	Chiều sâu hố PIT (mm)	Lực tác động trên sàn phòng máy	
Số người	KG	Rộng JJ	Cao H	Rộng AS	Sâu BN	Cao H	Rộng AH	Sâu BH			R1 KG	R2 KG
6	450	800	2100	1400	850	2300	1850	1500	4000	1500	3750	2000
8	550	800	2100	1400	1000	2300	1850	1600	4000	1500	3800	2300
9	600	800	2100	1400	1100	2300	1850	1700	4000	1500	4500	2600
10	700	800	2100	1400	1200	2300	1900	1800	4000	1500	4650	2700
11	750	800	2100	1400	1300	2300	1900	1850	4000	1500	5000	3050
13	900	900	2100	1600	1330	2300	2100	1950	4000	1500	5700	3450
14	1000	900	2100	1600	1450	2300	2100	2100	4000	1500	5850	3650

Ghi chú: Các thống số hố thang AH & BH là kích thước tối thiểu (Min)
Kích thước phòng máy=kích thước hố thang+khoảng mở rộng đặt tủ điện điều khiển

CHỨC NĂNG & TIỆN ÍCH TIÊU CHUẨN VIETLIFT

Chức năng	Mô tả hoạt động
Cứu hộ tự động	Khi hệ thống điện cung cấp cho thang máy hoạt động bị mất điện, hệ thống cứu hộ sẽ tự động đưa thang máy về tầng gần nhất và mở cửa cho khách ra ngoài an toàn
Hệ thống liên lạc	Khi giặp sự cố trong Cabin nhờ hệ thông liên lạc intercom, khách sẽ liên lạc được với bên ngoài.
Hệ thống bảo vệ điện	Mất pha, ngược pha, mất trung tính, sụt áp nhằm bảo vệ thang máy được an toàn
Bảo vệ quá tải	Trường hợp quá tải đèn báo trên bảng điều khiển sáng, chuông reo liên tục, thang đứng yên không chạy, cửa mở để khách ra ngoài bớt cho đến khi đúng tải thang sẽ hoạt động lại bình thường.
Khống chế vượt tốc độ	Trong trường hợp thang vượt quá tốc cài đặt, thì hệ thống khống chế tốc độ hoạt động đồng thời với phanh của thang để hãm thang lại, thang sẽ dừng lại ở cửa tầng và mở cửa cho khách ra ngoài. Hệ thống điều khiểu sẽ tự ngắt.
Bảo vệ không chạy quá hành trình	Các công tác hành trình được lắp đặt nhằm đảm bảo không thể chạy vượt quá hành trình đã cài đặt.
Khóa cửa an toàn	Được trang bị tại các cửa tầng để không thể mở cửa tầng khi không có Cabin tại tầng đó và thang máy sẽ không hoạt động khi cửa mở.
Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Khi mất điện, đèn cứu hộ trong Cabin sẽ tự sáng,
Đóng / mở cửa nhanh	Hành khách có thể nhấn nút đóng - mở nhanh khi thang máy dừng tại các tầng. Hệ thống hoạt động tự động đáp ứng nhanh nhất và ưu tiên theo thứ tự
Chức năng lựa chọn và tổ hợp chiều hoạt động	Chiều di chuyển của thang máy cho tất cả các lệnh được thực hiện ở trong hay ngoài Cabin
Điều khiển đôi (Nhóm) Hiển thị vị trí	Phối hợp các thang ở gần nhau để hoạt động hiệu quả. Khi gọi thang sẽ ưu tiên thang nào ở gần nhất quay về đón khách.
Thiết bị hiển thị	Trong Cabin và ở mỗi tầng đều có đèn hiển thị để báo cho khách hàng biết vị trí và chiều hoạt động của thang.
Chuông báo dừng tầng	Khi đến mỗi tầng chuông điện tử sẽ báo cho khách hàng biết đã đến tầng
Tự động chuẩn đoán cảm biến cửa tầng	Khi giặp vật cản cửa đang đóng sẽ mở và chờ di chuyển vật cản thì cửa hoạt động lại bình thường. nhờ hệ thống cảm ứng thông minh bằng Tia hồng ngoại.
Đóng cửa cưỡng bức	Nếu cửa tầng được giữ lâu hơn thời gian đã định sẵn nó sẽ tự động đóng lại cưỡng bức để di chuyển phục vụ cho các lệnh khác.
Tự động tắt đèn và tắt quạt	Khi thang không có hành khách sử dụng vượt quá thời gian đã định thì đèn và quạt trong Cabin sẽ tự động tắt
Tự lưu dữ liệu cài đặt	Hệ thống tự lưu dữ liệu quá trình cài đặt, các dữ liệu của giếng thang đã được cài đặt : vị trí tầng, công tắc giảm tốc độ, công tắc hành trình...

CÁC KINH NGHIỆM CẦN THIẾT KHI SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN THANG MÁY.

1. Điện áp phải luôn đảm bảo đủ để cung cấp cho thang trong suốt quá trình sử dụng. Đó là vấn đề hết sức quan trọng. Nếu điện áp không đủ có thể gây cháy các thiết bị điện của thang máy như: đèn hiển thị, mạch điện tử, động cơ...

   Chúng tôi khuyên khách hàng lên sử dụng ổn áp cho thang máy nhằm đảm bảo cho các thiết bị điện và tuổi thọ của thang máy.

2. Giữ cho phòng máy, Cabin luôn sạch sẽ khô ráo và thoáng mát. Để tránh tiêu hao năng lượng điện và cháy chập các linh kiện thiết bị điện tử.

3. Bảo quản và sử dụng thang máy theo đúng quy trình quy định của nhà sản xuất.

4. Luôn giữ sạch các tiếp điểm cửa và tuyệt đối không để các vật cản chắn ngang đường chạy của cửa làm cho thang máy ngừng hoạt động.

5. Khi có sự cố hay dấu hiệu bất thường bạn lên liên hệ ngay với chuyên gia tư vấn, đơn vị lắp đặt thang máy cho bạn hoặc với chúng tôi theo số máy : **04. 3572 4588 - 3572 4599**
   Đường dây nóng: **0903 404248**

HANOEL® ELEVATOR

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MÁY HÀ NỘI
Hanoi Electric Machinery JSC

364 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 04. 3572 4588 - 3572 4599
Fax: 04. 3572 4699
Website: www.hanoel.com
Email: contact@hanoel.com